

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHỨC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **ông Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán:

ông Lê Văn Thường
ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Phan Thị Xuân Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội kết nối với điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 250/2025/TLPT-HS ngày 03 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Phạm Duy K cùng các bị cáo khác về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2025/HS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Duy K, sinh ngày 25/02/1993 tại tỉnh Quảng Ngãi; CCCD số 051093009928, cấp ngày 11/01/2022; nơi cư trú: thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn H, xã B, tỉnh Quảng Ngãi); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Duy H (chết) và bà Đặng Thị T; vợ là Nguyễn Thị Hoài T1, có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020; tiền sự: không;

Tiền án: ngày 19/9/2022, bị Toà án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng về tội “*Tổ chức đánh bạc*”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2022/HS-ST. Bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt này;

Nhân thân: ngày 04/8/2020, bị Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trái quy định nhưng chưa gây hậu quả*” theo Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPHC bằng hình thức phạt tiền, số tiền 3.000.000 đồng; bị cáo chấp hành xong ngày 05/8/2020.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/10/2023 cho đến ngày 27/02/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; vắng mặt.

2. Nguyễn Thành L, sinh ngày 04/5/1990 tại tỉnh Quảng Ngãi; CCCD số 051090010101, cấp ngày 14/8/2021; nơi cư trú: thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn H, xã B, tỉnh Quảng Ngãi); nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị L1, không rõ tên cha; vợ là Ngô Thị Thu M, có 02 con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/10/2023 cho đến ngày 27/02/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; vắng mặt.

3. Lê Văn T2, sinh ngày 17/4/2000 tại tỉnh Quảng Ngãi; CCCD số 051200007612, cấp ngày 25/3/2022; nơi cư trú: thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn Đ, xã B, tỉnh Quảng Ngãi); nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hùng C và bà Dương Thị M1 (đều đã chết); tiền sự: không.

Tiền án: ngày 17/11/2020, bị Toà án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 26 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2020/HS-ST; bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 14/01/2022, chưa được xoá án tích;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/12/2024 cho đến nay; vắng mặt.

4. Nguyễn Trung N, sinh ngày 19/4/2001 tại tỉnh Quảng Ngãi; CCCD số 051201007388, cấp ngày 04/3/2022; nơi cư trú: thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn B, xã B, tỉnh Quảng Ngãi); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung Á và bà Nguyễn Thị Nhật L2; vợ là Nguyễn Thị Kiều A, có 01 con, sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/12/2024 cho đến nay; vắng mặt.

Ngoài ra còn có các bị cáo khác trong vụ án nhưng không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 29/9/2023, Hồ Văn H1 và Phạm Duy K xảy ra mâu thuẫn với nhau. Hồ Văn H1 điện thoại nhờ Lê Văn L3 giúp giải quyết mâu thuẫn với Phạm Duy K. Khoảng 01 giờ 00 ngày 30/9/2023, Lê Văn L3 cùng một số thanh niên đến nhà Phạm Duy K nhưng không có K ở nhà nên cả nhóm cùng về lại phòng trọ của Hồ Văn H1 ở thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Tại phòng trọ của Hồ Văn H1 có: Hồ Văn H1, Lê Văn L3, Lê Tấn T3, Lê Văn T2, Nguyễn Trung N, Phạm Hoàng T4, Nguyễn Ngọc T5, Nguyễn Tấn N1.

Lúc này, Phạm Duy K gọi điện thoại videocall qua ứng dụng Messenger cho Lê Văn L3 (Lầm mở loa ngoài cho mọi người cùng nghe) để nói chuyện về mâu thuẫn của K và Hồ Văn H1 thì giữa Phạm Duy K và Lê Văn L3 xảy ra cãi vã, thách thức. Qua ứng dụng video messenger, Phạm Duy K cho Lê Văn L3 thấy mình có một khẩu súng dài, màu đen, loại có ống ngắm. Thấy Lê Tấn T3 đứng bên cạnh, trong áo khoác của T3 có một khẩu súng ngắn màu đen nên L3 nói T3 cho mượn khẩu súng, T3 lấy súng đưa cho L3. Lầm cầm súng khoe trước điện thoại (qua ứng dụng messenger) với K nên Phạm Duy K thách đố và hẹn gặp Lầm tại khu vực chợ H2 ở xã B, huyện B để giải quyết mâu thuẫn, thì L3 đồng ý. Sau khi nói chuyện với Phạm Duy K, Lê Văn L3 đưa lại khẩu súng cho T3, Lê Tấn T3 cất khẩu súng trên vào túi áo khoác và để trên bàn ở phòng khách. Sau đó, L3 đi trước ra ngoài sân lấy xe, lúc này chỉ có Tiệp ở phòng khách, Tiệp mặc áo khoác vào người (trong túi áo khoác có khẩu súng) và bước ra mặc áo mưa lên xe của L3 cùng Nguyễn Ngọc T5, Lê Văn T2, Phạm Ngọc T6, Nguyễn Trung N, Hồ Văn H1, Nguyễn Tấn N1 đi đến chợ H2 để gặp Phạm Duy K giải quyết mâu thuẫn.

Nhóm của Lê Văn L3 (08 người) đi trên 03 xe mô tô, gồm: Lê Văn L3 điều khiển xe SH màu trắng chở Lê Tấn T3 ngồi giữa và Nguyễn Ngọc T5 ngồi sau; Nguyễn Trung N điều khiển xe Exciter màu đen chở Phạm Hoàng T4 ngồi giữa và Lê Văn T2 ngồi sau, T4 và T2 cầm 02 cây rựa; Hồ Văn H1 điều khiển xe Siurius màu đỏ đen chở Nguyễn Tấn N1 ra phòng trọ khoảng 50 mét thì xe bị hư nên H1 và N1 quay lại phòng trọ đổi xe Vision, sau đó đi xuống chợ H2.

Khi xe của Lê Văn L3 chở T3 và Tân ngồi sau và xe của Nguyễn Trung N chở T4 và T2 ngồi sau cầm hung khí đến chợ H2 thuộc xã B, huyện B thì Phạm Duy K cầm cây hai chĩa (bằng kim loại, dài khoảng 1,5 mét, đầu nhọn), Nguyễn Thành L cầm cây rựa phát bờ ở trong chợ chạy ra đuổi ví xe Exciter của N, T4, T2. N điều khiển xe chở T4, T2 bỏ chạy; Lê Văn L3 dừng xe, Nguyễn Ngọc T5 xuống xe và nói với K, L: *“Tao Tân nè, mày làm cái gì vậy L, anh em về hết đi, mai gặp mặt nói chuyện”*, Lê Tấn T3 xuống xe thì L cầm rựa phát bờ đuổi chém nên T3 bỏ chạy về hướng Công viên. Thấy T3 bị L đuổi chém, L3 chạy đến ôm giữ L.

Lúc này, Nguyễn Trung N, Lê Văn T2 và Phạm Hoàng T4 đều cầm hung khí (rựa) quay lại đuổi ví K và L nên L cầm rựa phát bờ, K cầm cây hai chĩa đuổi đánh N, T4, T2.

Vì thấy L và K cầm hung khí đuổi đánh, chém N, T4 và T2 nên Lê Tấn T3 rút khẩu súng ngắn bằng kim loại, màu đen quán trong áo khoác đang cầm trên tay. Tiếp cầm súng bằng tay phải, lên đạn và hướng thẳng nòng súng về hướng L đang chạy, thân súng song song với mặt đất. Khoảng cách giữa T3 và L lúc này khoảng 06 mét, T3 nhắm bắn 01 phát về hướng người Luân, súng nổ, đạn cày xuống đường toé lửa, cách người Luân khoảng 01 mét. Nghe tiếng nổ, Lê Văn L3 quay người lại thì thấy Lê Tấn T3 đang cầm súng trên tay và thấy L cầm rựa phát bờ chạy tới đuổi chém T3 nên L3 ôm giữ K, Nguyễn Ngọc Tân Ô giữ L.

Lúc này, Hồ Văn H1 điều khiển xe V chở Nguyễn Tấn N1 đến chợ H2. Nguyễn Tấn N1 đứng cạnh cổng chào chợ H2, Hồ Văn H1 đi bộ đến thì Nguyễn Thành L và Phạm Duy K cầm hung khí đuổi đánh H1. Khi cầm cây hai chĩa đâm gây thương tích ở mặt ngoài cánh tay phải, mặt trong cánh tay trái và mặt trong ngón trỏ tay trái của H1. H1 bỏ chạy khoảng 10 mét thì vào quán ven đường lấy 01 con dao chặt đá dài khoảng 60 cm quay lại thì thấy Lê Văn L3 đang giằng co với Phạm Duy K. Nguyễn Ngọc Tân ôm giữ Nguyễn Thành L.

Sau khoảng 10 phút rượt đuổi, la hét thì Phạm Duy K, Nguyễn Thành L bỏ về, cả nhóm Lê Văn L3 quay lại nhà trọ Hồ Văn H1.

Ngày 30/10/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Q có Bản kết luận giám định số: 1004/KL-KTHS, kết luận:

- Khẩu súng ngắn, trên thân súng có dãy số 12010286 là súng K54, là vũ khí quân dụng.

- Khẩu súng bằng kim loại màu đen, dạng súng rulo, trên súng có dòng chữ ZP-5, SMITH & WESSON là đồ chơi nguy hiểm có hình dạng súng ngắn ổ quay, đã được độ chế một số bộ phận, không phải vũ khí quân dụng. Hiện tại bộ phận lẫy dương búa đập bị rơi khỏi vị trí lắp đặt, do đó không thể dương búa đập cố định để bóp cò khi bắn được.

- Khẩu súng hơi loại AIRFORCE 2305 số seri: XS8884 là súng hơi bắn đạn chì cỡ 5,5 mm, là vũ khí có tính năng tác dụng tương tự như súng săn.

- 02 (hai) viên đạn bằng đồng chưa qua sử dụng, mặt đít có ký hiệu "11 65" và 01 (một) vỏ đạn màu vàng, mặt đít có ký hiệu "11 65" là loại đạn cỡ 7,62x25mm, sử dụng cho một số loại súng quân dụng như: K54, K43, K50 ...

- 01 (một) vỏ đạn màu vàng đồng là do khẩu súng ngắn K54 có ký hiệu 12010286 bắn ra.

- 01 (một) mẫu kim loại màu trắng bạc, không rõ hình dạng, có kích thước 02 x 01 cm là phần lõi kim loại của đầu đạn vũ khí quân dụng, đã bị bẻ vỡ, móp méo biến dạng.

Ngày 08/10/2024, Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng có Kết luận giám định (kỹ thuật số và điện tử) số 1894/KL-KTHS, trích xuất dữ liệu điện tử thu giữ từ camera an ninh tại thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi ghi nhận diễn biến sự việc trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2025/HS-ST ngày 14/9/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định: tuyên bố các bị cáo Phạm Duy K, Nguyễn Thành L, Lê Văn T2, Nguyễn Trung N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Duy K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 61/2022/HS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi về tội “Tổ chức đánh bạc”, buộc bị cáo Phạm Duy K phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/10/2023 cho đến ngày 27/02/2024 và được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/02/2021 cho đến ngày 08/02/2021 (theo Bản án số 61/2022/HS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn).

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Văn T2 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/10/2023 cho đến ngày 27/02/2024.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/10/2023 cho đến ngày 27/02/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung N 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2025, bị cáo Nguyễn Thành L kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo;

Ngày 19/9/2025, bị cáo Phạm Duy K kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 22/9/2025, bị cáo Nguyễn Trung N kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo;

Ngày 22/9/2025, bị cáo Lê Văn T2 kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt;

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều vắng mặt;

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, đồng thời phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Phạm Duy K, Lê Văn T2, Nguyễn Thành L và Nguyễn Trung N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Phạm Duy K, Lê Văn T2, Nguyễn Thành L và Nguyễn Trung N kháng cáo bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. Về tội danh:

Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Xuất phát từ mâu thuẫn trước đó giữa Hồ Văn H1 và Phạm Duy K, vào lúc rạng sáng ngày 30/9/2023, tại khu vực chợ H2 thuộc xã B, huyện B (nay là xã B), tỉnh Quảng Ngãi, Lê Tấn T3, Lê Văn L3, Phạm Duy K, Nguyễn Thành L, Hồ Văn H1, Lê Văn T2, Phạm Hoàng T4, Nguyễn Trung N đã có hành vi dùng rựa, dao tự chế, cây hai chĩa và súng K54 bắn, đuổi đâm, chém nhau và la hét to tiếng trong khu dân cư gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Trong đó, K cầm hai cây chĩa bằng kim loại, L cầm rựa phát bờ đuổi N và T2, sau đó L cầm rựa đuổi chém T3 thì được Lầm ôm lại. Sau khi bị K, L đuổi đánh, N và T2 cầm rựa quay lại đuổi K và L, K và L cầm rựa và chĩa đuổi đánh lại N và T2. Khi bị T3 dùng súng bắn về phía mình, L cầm rựa đuổi chém T3 thì được Tân ôm giữ lại. Khi Hồ Văn H1 tới thì bị K và L tiếp tục đuổi đánh H1. Sau khoảng 10 phút rượt đuổi, đánh nhau thì cả hai nhóm bỏ ra về.

Với các hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kết tội Phạm Duy K, Lê Văn T2, Nguyễn Thành L và Nguyễn Trung N “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chỉ vì mâu thuẫn cá nhân nhỏ nhất, không rõ ràng giữa Hồ Văn H1 và Phạm Duy K, các bị cáo đã thách thức nhau, tập hợp người, mang theo và sử dụng hung khí là dao rựa, chĩa (bằng kim loại dài 1,5m) la hét, rượt đuổi đánh chém nhau gây mất an ninh trật tự ở khu vực chợ H2 thuộc thôn H, xã B, tỉnh Quảng Ngãi (cũ).

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt ổn định của cộng đồng. Các bị cáo nhận thức được hành vi dùng hung khí truy đuổi, đánh nhau trong thời gian dài ở khu vực công cộng là phạm pháp, nhưng với thái độ coi thường pháp luật, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Đề giáo dục riêng đối với bị cáo cũng như phục vụ công tác đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi cũng như hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình các bị cáo đều là gia đình có công với cách mạng; Nguyễn Trung N có thời gian phục vụ trong quân đội; Phạm Duy K có nhiều đóng góp cho Q vì người nghèo tại địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho các bị cáo là đúng pháp luật. Các bị cáo Phạm Duy K, Lê Văn T2 đã từng bị kết án, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của các bị cáo thuộc trường hợp “*Tái phạm*”, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là đúng pháp luật.

Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt Phạm Duy K 03 năm 06 tháng tù, Lê Văn T2 03 năm tù, Nguyễn Thành L 02 năm 06 tháng tù, Nguyễn Trung N 02 năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, đồng thời buộc Phạm Duy K phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước đó cho bị cáo hưởng án treo. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là tương xứng, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân của từng bị cáo trong vụ án.

Các bị cáo Phạm Duy K và Lê Văn T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Trung N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới có ý nghĩa nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với cáo bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Phạm Duy K, Lê Văn T2, Nguyễn Thành L và Nguyễn Trung N phải chịu theo quy định.

[4]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Duy K, Lê Văn T2, Nguyễn Thành L và Nguyễn Trung N. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2025/HSST ngày 14/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đối với các bị cáo.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Duy K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 61/2022/HS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử bị cáo về tội “*Tổ chức đánh bạc*”, buộc bị cáo Phạm Duy K phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/10/2023 cho đến ngày 27/02/2024 và được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/02/2021 cho đến ngày 08/02/2021 (theo Bản án số 61/2022/HS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn).

1.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Văn T2 03 (ba) năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/10/2023 cho đến ngày 27/02/2024.

1.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/10/2023 cho đến ngày 27/02/2024.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung N 02 (hai) năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Phạm Duy K, Lê Văn T2, Nguyễn Thành L và Nguyễn Trung N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm;

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam, theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Kiên